|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ  **TỔ: LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ - GDKTPL** | **MA TRẬN, ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2  NĂM HỌC 2024-2025**  **MÔN: ĐỊA LÍ – KHỐI 12**  **Thời gian làm bài: 45 phút** |

**I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/bài** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | | | | | | **Tỉ lệ % điểm** |
| **TNKQ nhiều lựa chọn** | | | **TNKQ đúng – sai** | | | **TNKQ trả lời ngắn** | | | |  | | |
| Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | | Biết | Hiểu | VD |  |  |  |
| Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông | 2 |  | 1 | 1 | 2 | 1 | |  |  | 1 |  |  |  | **20** |
| Thương mại và Du lịch | 3 | 1 |  | 2 | 2 |  | |  | 1 | 1 |  |  |  | **20** |
| 2 | Địa lí các vùng kinh tế | Khai thác thế mạnh ở TDMNBB | 2 |  | 1 |  |  |  | |  |  | 1 |  |  |  | **12.5** |
| Phát triển kinh tế- xã hội ở ĐBSH | 2 |  | 1 | 1 | 1 | 2 | |  |  | 1 |  |  |  | **17.5** |
| Phát triển NN-LN-TS ở BTB | 2 | 1 |  |  |  |  | |  | 1 |  |  |  |  | **15.0** |
| Phát triển kinh tế biển ở DHNTB | 2 |  |  | 1 | 1 | 2 | |  |  |  |  |  |  | **15.0** |
| **Tổng số câu** | | | 13 |  | 3 | 5 | 6 | 5 | | 0 | 2 | 4 |  |  |  |  |
| **Tổng số điểm** | | | 3,25 | 0.5 | 0.75 | 1,25 | 1,5 | 1,25 | | 0 | 0.5 | 1,0 |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ %** | | | 45 | | | 40 | | | 15 | | | |  | | | **100** |

Nhận biết: 13 câu + 5 ý= 4.5 điểm

Thông hiểu: 4 câu + 6 ý = 2,5 điểm

Vận dụng: 7 câu + 5 ý = 3.0 điểm

**II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Yêu cầu cần đạt**  (Đã được tách ra các chỉ báo và mức độ) | **Số lượng chỉ báo** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trắc nghiệm** | | |
| **Nhiều lựa chọn** | **Đúng-Sai** | **Trả lời ngắn** |
| **(1)** | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **1** | **Chủ đề 1. Ngành dịch vụ** | **1.Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông**  ***a. Ngành giao thông vận tải***  -.Đặc điểm ngành giao thông vận tải  - Các loại hình giao thông vận tải  -b. Ngành bưu chính viễn thông  - Ngành bưu chính  - Ngành viễn thông | **Nhận biết**  -Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông,  - Khái quát được vai trò của một số ngành giao thông vận tải. | 2 | 1 |  |
| **Thông hiểu**  + Thực hiện được một số tính toán, xử lí số liệu đơn giản.  - Giải thích được nguyên nhân sự tăng trưởng và phát triển của một số loại hình giao thông vận tải nước ta trong những năm gần đây. |  |  |  |
| **Vận dụng**  – Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ.  –Nhận xét, giải thích liên quan đến ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông.  -Vận dụng kiến thức, giải thích thực tiễn liên quan đến sự phát triển 1 số loại hình giao thông vận tải.  **Vận dụng cao**  – Vận dụng công thức tính toán được khối lượng vận chuyển, luân chuyển và cư li vận chuyển trung bình. | 1 |  | 1 |
| **2. Thương mai và du lịch**  ***a. Thương mại***  - Nội thương  - Ngoại thương  ***b. Du lịch***  - Tình hình phát triển và phân bố  - Sư phân hóa lãnh thổ du lịch.  - Du lịch với sự phát triển bền vững. | **Nhận biết**  -Trình bày được sự phát triển và phân bố thương mại, du lịch ở Việt Nam | 3 | 1 |  |
| **Thông hiểu**  - Phân tích được sự phân hoá lãnh thổ du lịch (các trung tâm, vùng du lịch), du lịch với sự phát triển bền vững.  Vận dụng công thức tính toán để tính số lượt khách, tính tốc độ tăng trưởng. | 1 |  | 1 |
| **Vận dụng**:  + Vận dụng công thức tính toán để tính cán cân thương mại, tính xuất nhập khẩu.  – Vẽ biểu đồ và sử dụng bản đồ, số liệu để nhận xét, giải thích liên quan đến ngành thương mại và du lịch. |  |  | 1 |
|  | **Chủ đề 2:**  **Các vùng kinh tế** | **1.Vùng trung du miền núi Bắc Bộ.**  - Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ  - dân số  - Khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế  + Khai thác thế mạnh về khoáng sản.  + Khai thác thế mạnh về thủy điện  + Khai thác thế mạnh cây công nghiệp cận nhiệt và ôn đới.  - Khai thác thế mạnh về chăn nuôi gia suc lớn. | **Nhận biết**  +Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.  +Trình bày được việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng và nêu được hướng phát triển. | 2 |  |  |
| **Thông hiểu**  - Chứng minh được các thế mạnh để phát triển kinh tế của vùng về khoáng sản và thuỷ điện, cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới (cây công nghiệp, rau quả), chăn nuôi gia súc lớn và về kinh tế biển.  - Trình bày được việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng và nếu được hướng phát triển. |  |  |  |
| **Vận dụng**  - Sử dung được bản đồ và bảng số liệu để trình bày được thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng  - **Vận dụng cao**  Giải thích sự phát triển ngành công nghiệp thuỷ điện của vùng TDMNBB. | 1 |  | 1 |
| **2. Đồng bằng sông Hồng.**  - Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.  - Dân số  - Thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế- xã hội.  - Một số vấn đề phát triển kinh tế- xã hội  + Phát triển công nghiệp  + Phát triển dịch vụ | **Nhận biết**  Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. | 2 |  |  |
| **Thông hiểu**  + Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của Đồng bằng sông Hồng.  + Phân tích được một số vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội của vùng: Vấn đề phát triển công nghiệp, vấn đề phát triển dịch vụ.  - Giải thích được sự phát triển của một số ngành kinh tế trong vùng.  -Từ bảng số liệu nhận dạng được các dạng biểu đồ cần thiết. |  | 1 |  |
| **Vận dụng cao**  Vận dụng công thức tính tỉ trọng giá tị sản xuất, tính năng xuất, sản lượng | 1 |  | 1 |
|  |  | **3. Bắc trung Bộ**  - Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.  - Dân số.  - Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản | **Nhận biết**  + Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.  + Trình bày được một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản của vùng | 2 |  |  |
| **Thông hiểu**  Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản của vùng. | 1 |  | 1 |
|  |  | **4Duyên hải Nam Trung Bộ** | **Nhận biết**  + Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.  + Trình bày được việc phát triển các ngành kinh tế biển và nêu được hướng phát triển kinh tế biển của vùng. | 2 |  |  |
| - Hiểu:  + Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế biển: khai thác tài nguyên sinh vật biển, giao thông vận tải biển, du lịch biển, khai thác khoáng sản biển.  + Thực hiện được một số công thức tính toán |  | 1 |  |
|  |  |  | - Vận dụng:  Giải thích về sự phát triển các ngành kinh tế biển của vùng |  |  |  |
| **Tổng số câu** | | | | 18 | 4 | 6 |
| **Tổng số điểm** | | | | 4,5 | 4,0 | 1,5 |
| **Tỉ lệ %** | | | | **45** | 40 | **15** |